

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ BẢN MẪU SÁCH GIÁO KHOA

*(Kèm theo Thông tư số /2021/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2021,
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. Điều kiện tiên quyết của sách giáo khoa (Điều 4)

1. Nội dung và hình thức sách giáo khoa không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về xuất bản phẩm.

1.1. Nội dung và hình thức sách giáo khoa không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Giáo dục, Luật Xuất bản và pháp luật có liên quan.

1.2. Nội dung và hình thức sách giáo khoa không tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định; không sai lệch sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; không xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; không vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân; không gây hằn thù dân tộc, xung đột sắc tộc, tôn giáo; không ảnh hưởng tới thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

1.3. Nội dung và hình thức sách giáo khoa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về xuất bản phẩm được quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam.

1.4. Thông tin ghi trên sách giáo khoa tuân thủ quy định theo Luật Xuất bản hiện hành.

2. Nội dung và hình thức sách giáo khoa không mang định kiến về sắc tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, giới, lứa tuổi và địa vị xã hội.

2.1. Các nội dung, hình ảnh liên quan đến các dân tộc Việt Nam có tần suất xuất hiện phù hợp; thể hiện tinh thần đoàn kết các dân tộc, quan điểm tích cực, khách quan, bình đẳng, tôn trọng về phẩm chất trí tuệ, phong tục tập quán, giá trị truyền thống văn hóa của các dân tộc Việt Nam.

2.2. Các nội dung, hình ảnh liên quan đến người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em có tần suất xuất hiện phù hợp; thể hiện cách nhìn tích cực, khách quan, bình đẳng, tôn trọng về phẩm chất trí tuệ của người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em; không vi phạm các quy định của Luật người khuyết tật, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và pháp luật có liên quan.

2.3. Các nội dung, hình ảnh liên quan đến các nghề nghiệp, vùng miền, địa phương khác nhau có tần suất xuất hiện phù hợp; thể hiện tính tích cực, khách quan, bình đẳng, tôn trọng đối với các nghề nghiệp, vùng miền, địa phương khác nhau; không có những thông tin, hình ảnh mang tính quảng cáo cho các sản phẩm thương mại cụ thể.

2.4. Các nội dung, hình ảnh về giới có tần suất xuất hiện phù hợp; thể hiện tính tích cực, khách quan, bình đẳng về phẩm chất trí tuệ và thiên chức của các giới; không vi phạm Luật bình đẳng giới.

II. Nội dung sách giáo khoa (Điều 5)

1. Nội dung sách giáo khoa thể hiện đúng và đầy đủ nội dung của chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục; bảo đảm tính cơ bản, khoa học, thiết thực, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

1.1. Nội dung sách giáo khoa phản ánh chính xác, đủ các yêu cầu cần đạt, bảo đảm tính cơ bản, khoa học, thiết thực của từng chủ đề được quy định trong chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục.

1.2. Các ví dụ minh họa, các dẫn liệu về kinh tế, văn hóa, xã hội, thiên nhiên, con người được sử dụng phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

1.3. Sách giáo khoa thể hiện nội dung giáo dục hướng nghiệp thông qua yêu cầu về độ rộng, sâu của kiến thức, yêu cầu vận dụng, thực hành liên quan đến ngành nghề mà chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục hướng tới.

2. Các thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa, số liệu, sự kiện, hình ảnh bảo đảm chính xác, khách quan, nhất quán và phù hợp với trình độ học sinh; các số liệu, sự kiện, hình ảnh có nguồn gốc rõ ràng.

2.1. Các thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa, số liệu, sự kiện, hình ảnh trong sách giáo khoa bảo đảm chính xác, cập nhật khách quan, phù hợp với lứa tuổi học sinh, nhất quán trong sách giáo khoa đó và giữa các sách giáo khoa ở các lớp học, cấp học của các chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục.

2.2. Các thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa, số liệu, sự kiện, hình ảnh trong sách giáo khoa phù hợp với nội dung giáo dục và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh quy định tại chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục.

3. Các thành tựu khoa học mới liên quan đến chương trình môn học, hoạt động giáo dục được cập nhật, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phù hợp với mục tiêu của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

3.1. Sách giáo khoa biên soạn lần đầu hoặc sách giáo khoa được chỉnh sửa lần sau phải cập nhật các thành tựu khoa học mới liên quan đến chương trình môn học, hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phù hợp với mục tiêu của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

3.2. Sách giáo khoa không có những nội dung còn tranh cãi, chưa hoàn toàn được thừa nhận.

4. Những nội dung giáo dục về chủ quyền quốc gia, quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu được thể hiện hợp lý.

4.1. Sách giáo khoa có nội dung về chủ quyền quốc gia phải thể hiện đúng và đầy đủ tên gọi vùng đất, vùng biển, đảo và các thực thể khác; không phạm; chế độ chính trị, kinh tế theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

4.2. Sách giáo khoa có nội dung giáo dục quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới được thể hiện thông qua việc tích hợp trong các chủ đề phù hợp: tích hợp vào các chủ đề nội dung liên quan; có các câu hỏi, bài tập riêng; có thể có những đề mục riêng.

4.3. Sách giáo khoa có nội dung giáo dục phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, giáo dục tài chính... được thể hiện thông qua việc tích hợp trong các chủ đề phù hợp: tích hợp vào các chủ đề nội dung liên quan; có các câu hỏi, bài tập riêng; có thể có những đề mục riêng.

III. Phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục trong sách giáo khoa (Điều 6)

1. Các bài học trong sách giáo khoa tạo điều kiện cho giáo viên vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm; tạo cơ hội và khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, phát huy tiềm năng của mỗi học sinh.

1.1. Nội dung các bài học trong sách giáo khoa tạo điều kiện cho giáo viên vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm; tạo cơ hội và khuyến khích học sinh tích cực, tự lực, chủ động, sáng tạo thông qua các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học.

1.2. Nội dung các bài học trong sách giáo khoa tạo thuận lợi cho học sinh tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình.

1.3. Hệ thống câu hỏi, bài tập, hoạt động (hoạt động trải nghiệm, dự án nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM,...) trong bài học tập trung vào đánh giá kỹ năng thực hành và vận dụng kiến thức vào nhận thức và thực tiễn.

2. Các bài học trong sách giáo khoa thể hiện đúng, đủ, rõ mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh và yêu cầu về đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, làm cơ sở cho việc đánh giá chính xác kết quả giáo dục.

2.1. Các bài học trong sách giáo khoa thể hiện các hoạt động học của học sinh phù hợp với yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của các chủ đề/nội dung tương ứng được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

2.2. Hệ thống câu hỏi, bài tập, hoạt động học tập trong bài học bám sát yêu cầu cần đạt ứng với từng chủ đề/nội dung tương ứng được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

2.3. Các câu hỏi, bài tập, hoạt động trong bài học bảo đảm vừa là công cụ tổ chức dạy học tích cực, vừa là công cụ kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học cả ở trên lớp và ngoài lớp học.

IV. Cấu trúc sách giáo khoa (Điều 7)

1. Cấu trúc sách giáo khoa có đủ các thành phần cơ bản sau: phần, chương hoặc chủ đề; bài học; giải thích thuật ngữ; mục lục.

1.1. Sách giáo khoa có phần mở đầu giới thiệu vị trí môn học, định hướng phương pháp giáo dục, dạy học và kiểm tra đánh giá; quan hệ với sách giáo khoa các môn học và hoạt động giáo dục khác; hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa.

1.2. Cấu trúc các phần, chương/chủ đề, bài học bảo đảm quan hệ chung-riêng, toàn thể-bộ phận. Tên phần, chương/chủ đề, bài học phản ánh được nội dung có sự kết nối, tránh rời rạc, vụn vặt.

1.3. Phần giải thích thuật ngữ/từ ngữ có ghi số trang xuất hiện của từng thuật ngữ/từ ngữ (glossary and index) và được đặt ở cuối sách giáo khoa.

2. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa bao gồm các thành phần cơ bản sau: mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng.

2.1. Phần mở đầu giới thiệu mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chính thông qua hoạt động nhằm lôi cuốn học sinh vào quá trình tìm hiểu, khám phá, vận dụng kiến thức mới.

2.2. Phần kiến thức mới được thể hiện thông qua kênh chữ, kênh hình nhằm cung cấp thông tin để học sinh dựa vào đó xử lý thông tin thực hiện các hoạt động/nhiệm vụ đã nêu trong phần mở đầu.

2.3. Phần luyện tập, vận dụng bao gồm các câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức đã học trước và trong bài học; việc hệ thống hoá kiến thức bài học; không có khoảng trống để học sinh điền thông tin hoặc yêu cầu học sinh làm bài trực tiếp vào sách giáo khoa.

2.4. Phần kiến thức mới, luyện tập, vận dụng có thể được trình bày xen kẽ hoặc tách rời phù hợp với nội dung, phương pháp và kỹ thuật tổ chức hoạt động dạy học. sách giáo khoa được biên soạn, thiết kế phù hợp, khoa học giữa các phần và theo hướng khuyến khích người học sử dụng lâu dài tránh lãng phí.

V. Ngôn ngữ sử dụng trong sách giáo khoa và hình thức trình bày sách giáo khoa (Điều 8)

1. Ngôn ngữ sử dụng trong sách giáo khoa là tiếng Việt (đối với sách giáo khoa ngoại ngữ và sách giáo khoa tiếng dân tộc thiểu số được sử dụng thêm các ngôn ngữ khác), bảo đảm các quy định về chính tả và ngữ pháp, các chữ viết tắt, các ký hiệu, phiên âm, đơn vị đo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; diễn đạt trong sáng, dễ hiểu, thể hiện chính xác nội dung cần trình bày, phù hợp với lứa tuổi học sinh.

1.1. Sách giáo khoa diễn đạt trong sáng, dễ hiểu, thể hiện chính xác nội dung cần trình bày, phù hợp với lứa tuổi học sinh; không sử dụng tiếng Việt cổ, ngôn ngữ địa phương, ngôn ngữ thông tục và tiếng nước ngoài chưa được Việt hóa; trường hợp cần sử dụng thì phải có chú thích.

1.2. Tuân thủ các quy định hiện hành về viết hoa, chính tả và ngữ pháp, chữ viết tắt, ký hiệu, phiên âm.

1.3. Tuân thủ các quy định hiện hành về đơn vị đo lường theo Luật Đo lường Việt Nam; đối với đơn vị đo mà học sinh được học lần đầu cần ghi đủ tên phiên âm cùng với ký hiệu.

2. Hình thức trình bày sách giáo khoa cân đối, hài hòa giữa kênh chữ và kênh hình, hệ thống ký hiệu, biểu tượng, kiểu chữ, cỡ chữ.

2.1. Các trang sách được trình bày cân đối, hài hòa giữa kênh chữ và kênh hình, giữa tuyến cung cấp thông tin và tuyến tổ chức hoạt động học của học sinh; giữa các phần tử in và khoảng trống; trình bày và bố cục nhất quán trong toàn bộ cuốn sách giáo khoa.

2.2. Khổ sách, định lượng giấy in ruột sách, độ trắng, độ bóng, độ xuyên thấu của giấy in sách giáo khoa và kỹ thuật gia công sách, khuôn khổ bát chữ, cỡ chữ, kiểu chữ và lề trắng phía trên, phía dưới, bên trái, bên phải của trang sách được quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Tranh, ảnh, bảng biểu, đồ thị, bản đồ, hình vẽ trong sách giáo khoa rõ ràng, chính xác, cập nhật, có tính thẩm mỹ, phù hợp với nội dung bài học, lứa tuổi học sinh và chỉ rõ nguồn trích dẫn.

3.1. Tranh, ảnh, bảng biểu, đồ thị, bản đồ, hình vẽ ghi rõ tên tác giả hoặc nguồn trích dẫn số liệu; bảo đảm rõ ràng, chính xác, cập nhật, hấp dẫn, phù hợp với nội dung bài học, lứa tuổi học sinh ở từng lớp học.

3.2. Tranh, ảnh, bảng biểu, đồ thị, bản đồ, hình vẽ mang tính gợi mở, thuận lợi cho khai thác thông tin, đảm bảo tính thẩm mỹ và không gây phản cảm; phục vụ trực tiếp hoặc minh họa cho nội dung bài học ở vị trí gắn với nội dung cần minh họa.

3.3. Bản đồ trong sách giáo khoa phải thể hiện đầy đủ chủ quyền quốc gia trên đất liền, trên biển; không sử dụng bản đồ có tính tượng trưng, ước lệ và bản đồ, tranh vẽ không rõ nguồn gốc.

3.4. Trang in mặt trước và trang in mặt sau phải chồng khít lên nhau (sai lệch cho phép không lớn hơn 1 mm). Các chi tiết in phải rõ nét, không hằn mặt sau, sạch sẽ, đều mực, ảnh tram lên hết tầng thứ, hạt tram đanh gọn, không bị bẩn ở những vị trí không in. In chồng màu chính xác; màu mực đồng đều ở tất cả các trang trong một cuốn sách giáo khoa.